

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2020/HS-ST
Ngày 25/02/2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH QUẢNG NAM**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Công Trường.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

+ Ông Nguyễn Công Phúc.

+ Ông Phan Văn Hoàng.

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Ngọc Lan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa:* Bà Phan Thị Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2020 tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 80/2019/HSST ngày 26 tháng 12 năm 2019 đối với bị cáo:

NGUYỄN TẤN V - Giới tính: Nam;

Tên gọi khác: Không;

Sinh ngày 19 tháng 3 năm 1989;

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Tổ 2, thôn P, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Nghề nghiệp: Nông; Trình độ học vấn: 9/12;

Con ông: Nguyễn Tấn M và bà: Nguyễn Thị H;

Bị cáo chưa có vợ con;

Tiền án, tiền sự: Không;

Về nhân thân: Ngày 29/11/2019 bị Tòa án nhân dân huyện D tuyên phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo hiện đang bị tạm giam theo bản án số: 57/2019/HSST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện D, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

+ Anh Lê H, sinh năm 1967 (Vắng mặt).

Trú tại: Thôn X, xã C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Phạm H, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Trú tại: Khu phố 5, thị trấn H, huyện t, Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào sáng ngày 02/9/2019, Nguyễn Tấn V đi đến Tổ 4, thôn L, xã Bình D, huyện T để xem đua ghe. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, V ra về. Lúc này, V nhìn thấy 01 chiếc xe mô tô hiệu FUTURE BKS 92C1-108.63 trên xe có sẵn chìa khóa xe đang dựng trên đường bê tông trước nhà ông Lê Đ cách vị trí đua ghe khoảng 100m. V quan sát thấy không có người trông coi nên V đi đến bật chìa khóa khởi động xe và điều khiển về nhà mình. Sau đó, V sử dụng xe mô tô BKS: 92C1-108.63 làm phương tiện đi lại. Đến ngày 14/9/2019, V điều khiển xe mô tô BKS: 92C1-108.63 đi đến ngã tư thị trấn H rồi gọi điện cho anh Phạm H là lái xe taxi cho hãng Suntaxi) để đặt xe đi từ thị trấn H đến thị trấn N, huyện D. Do đã đi xe của anh H nhiều lần, nên khi gặp anh H, V liền nói “Anh à, giờ em không có tiền đi xe, anh cho em gửi xe máy và chứng minh nhân dân, anh cho em mượn ba triệu đồng và chở em ra huyện D, vài ngày sau em về trả tiền cho anh rồi lấy xe lại”. Nghe vậy nên anh H đồng ý và dẫn V sang quán cà phê Lưu M để gửi xe. Sau khi gửi xe, V lấy chìa khóa xe mô tô 92C1 – 108.63 và 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Tấn V đưa cho anh Phạm H. Sau đó, anh Phạm H chở V đi ra thị trấn Nam P. Khi chở V đến nơi, anh H đưa cho V mượn số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) và cho nợ tiền taxi là 420.000 đồng. Đến ngày 04/10/2019, khi biết V bị Công an huyện D bắt về hành vi trộm cắp tài sản nên anh H đến Công an huyện T trình báo và giao nộp xe mô tô BKS: 92C1-108.63 cùng chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Tấn V.

Theo Bản kết luận định giá tài sản số: 58/KL-HĐĐG ngày 17/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện Thăng Bình kết luận: 01 chiếc xe mô tô Honda hiệu FUTURE BKS 92C1-108.63 trị giá: 12.800.000 đồng (Mười hai triệu tám trăm nghìn đồng).

Tại bản cáo trạng số 01/CT-VKS ngày 24 tháng 12 năm 2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện Thăng Bình đã truy tố Nguyễn Tấn V về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thăng Bình giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Tấn V về tội “*Trộm cắp tài sản*” và đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 173; các Điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS, xử phạt Nguyễn Tấn V từ 09 đến 12 tháng tù. Thời gian thụ hình tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Phản dân sự: Bị hại ông Lê H đã nhận lại tài sản, đã bãi nại về dân sự. Anh Phạm H không yêu cầu Nguyễn Tấn V trả lại số tiền 3.420.000 đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

Xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra cơ quan điều tra có thu giữ của Nguyễn Tấn V 01 chứng minh nhân dân. Áp dụng Điều 106 BLTTHS đề nghị HĐXX tuyên trả cho bị cáo Nguyễn Tấn V 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Tấn V.

Tại phiên Tòa bị cáo Nguyễn Tấn V thống nhất với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thăng Bình, truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo thấy việc làm của mình là sai trái, vi phạm pháp luật, bị cáo rất ăn năn hối cải, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về căn cứ buộc tội:

Bị cáo Nguyễn Tấn V khai nhận: Vào khoảng 11 giờ ngày 02/9/2019, tại đường bê tông thuộc Tổ 4, thôn Lạc C, xã Bình D, Nguyễn Tấn V đã trộm cắp 01 chiếc xe mô tô Honda hiệu FUTURE BKS: 92C1-108.63 của ông Lê H trị giá: 12.800.000 đồng (Mười hai triệu tám trăm nghìn đồng).

Lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ mà Cơ quan điều tra đã thu thập trong hồ sơ vụ án. Do vậy Hội đồng xét xử xét thấy hành vi của bị cáo đã cấu thành tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự, như bản cáo trạng đã truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an ở địa phương.

Bị cáo không có tiền án, tiền sự; phạm tội không có tình tiết tăng nặng.

Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Tấn V đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; hoàn cảnh gia đình khó khăn. Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; gia đình bị cáo có công với cách mạng, có ông ngoại là liệt sỹ. Bị cáo được hưởng 03 tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

Về hình phạt: Mặc dù bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nhưng sau khi phạm tội “Trộm cắp tài sản” ở huyện T, Quảng Nam thì bị cáo tiếp tục phạm tội “Trộm cắp tài sản” ở huyện D, Quảng Nam nên cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[5] Về dân sự: Bị hại ông Lê H đã nhận lại tài sản, đã bãi nại về dân sự. Anh Phạm H không yêu cầu Nguyễn Tấn Vương trả lại số tiền 3.420.000 đồng nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về vật chứng: Áp dụng Điều 106 BLTTHS, tuyên trả cho bị cáo Nguyễn Tấn V 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Tấn V.

Khi anh Phạm H giữ xe mô tô Honda hiệu FUTURE BKS 92C1-108.63 để cho Nguyễn Tấn V mượn số tiền 3.000.000 đồng và nợ 420.000 đồng tiền đi taxi, anh Phạm H không biết xe mô tô này là do V trộm cắp tài sản mà có nên không có cơ sở để xử lý anh Phạm H là đúng quy định của pháp luật.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 135; 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí tòa án;

[8] Bị cáo được quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Tấn V phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Tấn V 09 (chín) tháng tù. Thời gian thụ hình tính từ ngày bắt giam thi hành án.

3/ Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 BLTTHS, tuyên trả cho bị cáo Nguyễn Tấn V 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Tấn Vương.

4. Án phí Hình sự sơ thẩm: Áp dụng Khoản 2 Điều 135 và Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí tòa án bị cáo Nguyễn Tấn V phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) án phí HSST.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (trong phạm vi quyền hạn của mình) vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản sao bản án hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam
- VKS nhân dân tỉnh Quảng Nam
- VKSND huyện Thăng Bình.
- THADS huyện Thăng Bình
- Những người TGGT.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

